

BỆNH VIỆN HỮU NGHỊ VIỆT ĐỨC
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ VÀ THIẾT BỊ VIỆT ĐỨC

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 222 /QĐ-CDYT&TBVD ngày 21/08/2023
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng y tế và Thiết bị Việt Đức)*

Trình độ đào tạo : **Liên thông cao đẳng**
Ngành đào tạo : **Kỹ thuật thiết bị Điện tử y tế**
Mã ngành : **6529006**
Hình thức đào tạo : **Chính quy**

Hà Nội, năm 2023

BỆNH VIỆN HỮU NGHỊ VIỆT ĐỨC
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ VÀ THIẾT BỊ VIỆT ĐỨC

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 222 /QĐ-CDYT&TBVĐ ngày 21/08/2023
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng y tế và Thiết bị Việt Đức)*

Trình độ đào tạo	:	Liên thông cao đẳng
Ngành đào tạo	:	Kỹ thuật thiết bị Điện tử y tế
Mã ngành	:	6529006
Hình thức đào tạo	:	Chính quy

Hà Nội, năm 2023

Chủ trì

TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ VÀ THIẾT BỊ VIỆT ĐỨC

Hội đồng đánh giá

*Theo Quyết định số 91/QĐ-CDYT&TBVD ngày 18/4/2023
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế và Thiết bị Việt Đức*

Ban chủ nhiệm

*Theo Quyết định số 154/QĐ-CDYT&TBVD ngày 12/6/2023
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế và Thiết bị Việt Đức*

BỆNH VIỆN HỮU NGHỊ VIỆT ĐỨC
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ VÀ THIẾT BỊ VIỆT ĐỨC

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 222 /QĐ-CDYT&TBVĐ ngày 21/08/2023
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng y tế và Thiết bị Việt Đức)*

BAN CHỦ NHIỆM

HỘI ĐỒNG CHUYÊN MÔN

Hà Nội, năm 2023

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 222 /QĐ-CDYT&TBVD ngày 21/08/2023 của
Hiệu trưởng Trường Cao đẳng y tế và Thiết bị Việt Đức)

Tên ngành, nghề	: Kỹ thuật thiết bị điện tử y tế
Mã ngành, nghề	: 6529006
Trình độ đào tạo	: Liên thông cao đẳng
Hình thức đào tạo	: Chính quy
Đối tượng tuyển sinh	: người học đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương và thuộc một trong các đối tượng dưới đây
	- Người học đã tốt nghiệp chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật thiết bị Hình ảnh y tế, Kỹ thuật Thiết bị Điện tử y tế, Xét nghiệm y tế và Cơ điện y tế trình độ trung cấp;
	- Người học đã tốt nghiệp trình độ công nhân kỹ thuật thiết bị y tế;
	- Người học đã tốt nghiệp chương trình đào tạo các ngành nghề khác trình độ trung cấp trở lên.
Thời gian đào tạo	: 14 tháng

1. Giới thiệu chương trình/ mô tả ngành, nghề đào tạo:

Chương trình đào tạo liên thông trình độ Cao đẳng Kỹ thuật thiết bị điện tử y tế trang bị cho người học thuộc những đối tượng tuyển sinh nêu trên những kiến thức và kỹ năng cần thiết để trở thành những Kỹ sư thực hành Kỹ thuật thiết bị điện tử y tế, làm việc trong ngành trang thiết bị y tế. Chương trình này nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hội nhập khu vực và quốc tế.

2. Mục tiêu đào tạo

Chương trình đào tạo Cao đẳng Kỹ thuật thiết bị Điện tử y tế cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp cần thiết để thực hiện được các công việc như sau:

- Quản lý trang thiết bị điện tử y tế, xây dựng và tổ chức được kế hoạch lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị điện tử y tế.
- Thực hiện lắp đặt, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa các trang thiết bị điện tử y tế đúng quy trình.
- Kiểm tra, đánh giá chất lượng các trang thiết bị điện tử y tế theo các quy định hiện hành.
- Khai thác tốt tài liệu tiếng việt, tài liệu tiếng anh của các thiết bị điện tử y tế.
- Có khả năng làm việc theo nhóm, kỹ năng giao tiếp và thuyết trình, có ý thức đảm bảo an toàn lao động cho người và thiết bị.

3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo liên thông Cao đẳng Kỹ thuật thiết bị điện tử y tế, người học được công nhận Danh hiệu Kỹ sư thực hành Kỹ thuật thiết bị Điện tử y tế và có thể làm việc tại các vị trí:

- Các cơ sở y tế từ Trung ương đến địa phương: Các bệnh viện Trung ương, bệnh viện Tỉnh, bệnh viện đa khoa khu vực, bệnh viện Huyện, bệnh viện tư nhân,

phòng khám...

- Các tập đoàn, các công ty liên doanh, các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trang thiết bị y tế trong nước và quốc tế.

- Các viện nghiên cứu, các cơ sở đào tạo về trang thiết bị y tế.

- Các đơn vị có liên quan đến trang thiết bị y tế khác.

Để thực hiện được các nhiệm vụ sau:

- Lắp đặt, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị phẫu thuật;

- Lắp đặt, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị điều trị;

- Lắp đặt, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị chẩn đoán chức năng;

- Lắp đặt, vận hành, bảo dưỡng thiết bị chẩn đoán hình ảnh;

- Lắp đặt, vận hành, bảo dưỡng thiết bị xét nghiệm;

- Lắp đặt, vận hành, bảo dưỡng thiết bị kiểm soát nhiễm khuẩn;

- Quản lý thiết bị y tế

4. Khối lượng kiến thức và thời gian học tập:

Khối lượng kiến thức và thời gian học tập trong chương trình đào tạo dưới đây được tính trên khối lượng kiến thức mà người học đã được học tập tại chương trình đào tạo trung cấp nghề Kỹ thuật thiết bị Điện tử y tế và Kỹ thuật thiết bị Hình ảnh y tế, cụ thể

- Số lượng môn học, mô đun: 12 môn học, mô đun bắt buộc

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 36 môn học, mô đun bắt buộc

- Tổng khối lượng các môn học, mô đun bắt buộc: 705 giờ (Lý thuyết: 340 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 326 giờ; Kiểm tra: 39 giờ)

- Số lượng môn học, mô đun tự chọn: Lựa chọn từ 300 đến 400 giờ tùy theo đối tượng, nhu cầu người học trong từng khóa nhưng vẫn đảm bảo đủ môn học, mô đun theo chương trình đào tạo hệ Cao đẳng ngành Kỹ thuật thiết bị Điện tử Y tế.

Đối với người học đã tốt nghiệp công nhân kỹ thuật thiết bị y tế hoặc tốt nghiệp các ngành, nghề khác từ trình độ trung cấp trở lên, Nhà trường căn cứ vào bảng điểm đã hoàn thành, đối chiếu với trình độ trung cấp nghề Kỹ thuật thiết bị Điện tử y tế để yêu cầu người học học bổ sung các môn học, mô đun còn thiếu sao cho tổng số các môn học, mô-đun đáp ứng tới tối thiểu 80% nội dung so với chương trình đào tạo trình độ trung cấp của Ngành Kỹ thuật thiết bị Điện tử y tế. Do vậy khối lượng kiến thức của mỗi người học sẽ được xem xét kèm theo bảng điểm đã được cấp.

5. Tổng hợp năng lực của ngành, nghề:

TT	Mã năng lực	Tên năng lực
I	Các năng lực cơ bản	
1	NLCB-01	Giao tiếp bằng tiếng Anh ở cấp độ cơ bản
2	NLCB-02	Đọc, hiểu từ tiếng Anh cơ bản thuộc chuyên ngành kỹ thuật thiết bị điện tử y tế
3	NLCB-03	Áp dụng kiến thức toán ứng dụng trong công việc
4	NLCB-04	Áp dụng kiến thức về công nghệ thông tin và truyền thông trong công việc

5	NLCB-05	Giao tiếp hiệu quả với khách hàng, đồng nghiệp, cấp trên
6	NLCB-06	Làm việc hiệu quả trong nhóm, chịu được áp lực trong công việc và môi trường làm việc thay đổi
7	NLCB-07	Học tập nâng cao trình độ
8	NLCB-08	Hoàn thành các nhiệm vụ hành chính hàng ngày
9	NLCB-09	Rèn luyện thể chất
10	NLCB-10	Tư duy logic, phân tích, tổng hợp, thống kê
II Các năng lực chung		
1	NLCL-01	Đọc và vẽ bản vẽ kỹ thuật
2	NLCL-02	Lắp ráp, kiểm tra mạch điện tử và cảm biến
3	NLCL-03	Lắp đặt, kiểm tra mạch điện dân dụng, điện công nghiệp
4	NLCL-04	Thiết kế và lắp ráp một số mạch vi điều khiển cơ bản
5	NLCL-05	Thực hiện các biện pháp an toàn điện, an toàn lao động
6	NLCL-06	Liệt kê các thông số kỹ thuật đặc trưng của thiết bị phẫu thuật
7	NLCL-07	Lập kế hoạch lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa
8	NLCL-08	Mô tả chức năng, vị trí các bộ phận trong cơ thể người
9	NLCL-09	Sơ cứu người bị tai nạn lao động
III Các năng lực chuyên môn		
1	NLCM-01	Giải thích kết cấu, tính năng, nguyên lý hoạt động của thiết bị phẫu thuật
2	NLCM-02	Lắp đặt thiết bị phẫu thuật theo quy trình của nhà sản xuất
3	NLCM-03	Kiểm tra, xử lý một số lỗi trong quá trình lắp đặt, vận hành
4	NLCM-04	Vận hành thiết bị phẫu thuật đúng quy trình
5	NLCM-05	Cài đặt và hướng dẫn vận hành thiết bị phẫu thuật
6	NLCM-06	Bảo dưỡng hàng ngày thiết bị phẫu thuật
7	NLCM-07	Kiểm tra, đánh giá tình trạng của thiết bị phẫu thuật
8	NLCM-08	Bảo dưỡng định kỳ thiết bị phẫu thuật
9	NLCM-09	Xác định tình trạng hư hỏng của thiết bị phẫu thuật
10	NLCM-10	Tổ chức thực hiện sửa chữa thiết bị phẫu thuật
11	NLCM-11	Thay thế phụ kiện, sửa chữa thiết bị phẫu thuật
12	NLCM-12	Hiệu chỉnh các chế độ làm việc của thiết bị phẫu thuật
13	NLCM-13	Sử dụng các thiết bị đo để kiểm tra độ chính xác, an toàn của thiết bị phẫu thuật
14	NLCM-14	Giải thích kết cấu, tính năng, nguyên lý hoạt động của thiết bị điều trị
15	NLCM-15	Lắp đặt thiết bị điều trị theo quy trình của nhà sản xuất
16	NLCM-16	Kiểm tra, xử lý một số lỗi trong quá trình lắp đặt, vận hành
17	NLCM-17	Vận hành thiết bị điều trị đúng quy trình
18	NLCM-18	Cài đặt và hướng dẫn vận hành thiết bị điều trị
19	NLCM-19	Bảo dưỡng hàng ngày thiết bị điều trị
20	NLCM-20	Kiểm tra, đánh giá tình trạng của thiết bị điều trị

21	NLCM-21	Bảo dưỡng định kỳ thiết bị điều trị
22	NLCM-22	Xác định tình trạng hư hỏng của thiết bị điều trị
23	NLCM-23	Tổ chức thực hiện sửa chữa thiết bị điều trị
24	NLCM-24	Thay thế phụ kiện, sửa chữa thiết bị điều trị
25	NLCM-25	Hiệu chỉnh các chế độ làm việc của thiết bị điều trị
26	NLCM-26	Sử dụng các thiết bị đo để kiểm tra độ chính xác, an toàn của thiết bị điều trị
27	NLCM-27	Giải thích kết cấu, tính năng, nguyên lý hoạt động của thiết bị chẩn đoán chức năng
28	NLCM-28	Lắp đặt thiết bị chẩn đoán chức năng theo quy trình của nhà sản xuất
29	NLCM-29	Kiểm tra, xử lý một số lỗi trong quá trình lắp đặt, vận hành
30	NLCM-30	Vận hành thiết bị chẩn đoán chức năng đúng quy trình
31	NLCM-31	Cài đặt và hướng dẫn vận hành thiết bị chẩn đoán chức năng
32	NLCM-32	Bảo dưỡng hàng ngày thiết bị chẩn đoán chức năng
33	NLCM-33	Kiểm tra, đánh giá tình trạng của thiết bị chẩn đoán chức năng
34	NLCM-34	Bảo dưỡng định kỳ thiết bị chẩn đoán chức năng
35	NLCM-35	Xác định tình trạng hư hỏng của thiết bị chẩn đoán chức năng
36	NLCM-36	Tổ chức thực hiện sửa chữa thiết bị chẩn đoán chức năng
37	NLCM-37	Thay thế phụ kiện, sửa chữa thiết bị chẩn đoán chức năng
38	NLCM-38	Hiệu chỉnh các chế độ làm việc của thiết bị chẩn đoán chức năng
39	NLCM-39	Sử dụng các thiết bị đo để kiểm tra độ chính xác, an toàn của thiết bị chẩn đoán chức năng
40	NLCM-40	Giải thích kết cấu, tính năng, nguyên lý hoạt động của thiết bị chẩn đoán hình ảnh
41	NLCM-41	Lắp đặt thiết bị chẩn đoán hình ảnh theo quy trình của nhà sản xuất
42	NLCM-42	Kiểm tra, xử lý một số lỗi trong quá trình lắp đặt, vận hành
43	NLCM-43	Vận hành thiết bị chẩn đoán hình ảnh đúng quy trình
44	NLCM-44	Cài đặt và hướng dẫn vận hành thiết bị chẩn đoán hình ảnh
45	NLCM-45	Bảo dưỡng hàng ngày thiết bị chẩn đoán hình ảnh
46	NLCM-46	Bảo dưỡng định kỳ thiết bị chẩn đoán hình ảnh
47	NLCM-47	Giải thích kết cấu, tính năng, nguyên lý hoạt động của thiết bị xét nghiệm
48	NLCM-48	Lắp đặt thiết bị xét nghiệm theo quy trình của nhà sản xuất
49	NLCM-49	Kiểm tra, xử lý một số lỗi trong quá trình lắp đặt, vận hành
50	NLCM-50	Vận hành thiết bị xét nghiệm đúng quy trình
51	NLCM-51	Cài đặt hệ thống và hướng dẫn vận hành thiết bị xét nghiệm
52	NLCM-52	Bảo dưỡng hàng ngày thiết bị xét nghiệm
53	NLCM-53	Bảo dưỡng định kỳ thiết bị xét nghiệm

54	NLCM-54	Giải thích kết cấu, tính năng, nguyên lý hoạt động của thiết bị kiểm soát nhiễm khuẩn
55	NLCM-55	Lắp đặt thiết bị kiểm soát nhiễm khuẩn theo quy trình của nhà sản xuất
56	NLCM-56	Kiểm tra, xử lý một số lỗi trong quá trình lắp đặt, vận hành
57	NLCM-57	Vận hành thiết bị kiểm soát nhiễm khuẩn đúng quy trình
58	NLCM-58	Cài đặt và hướng dẫn vận hành thiết bị kiểm soát nhiễm khuẩn
59	NLCM-59	Bảo dưỡng hàng ngày thiết bị kiểm soát nhiễm khuẩn
60	NLCM-60	Bảo dưỡng định kỳ thiết bị kiểm soát nhiễm khuẩn
61	NLCM-61	Phân loại thiết bị y tế theo mức độ rủi ro
62	NLCM-62	Quản lý mua bán thiết bị y tế
63	NLCM-63	Quản lý sử dụng thiết bị y tế tại các cơ sở y tế
64	NLCM-64	Quản lý bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị y tế
65	NLCM-65	Bồi dưỡng nâng cao trình độ nguồn nhân lực thiết bị y tế

6. Nội dung chương trình:

6.1. Đối với người học đã tốt nghiệp chương trình đào tạo trung cấp ngành Kỹ thuật thiết bị Điện tử y tế và Kỹ thuật thiết bị Hình ảnh y tế.

Mã MH/ MĐ	Tên môn học/mô đun	Số đơn vị học trình	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Thi/kiểm tra
I	Môn học, mô đun cơ sở	18	360	190	149	21
MHCS08	Toán ứng dụng	3	45	24	18	3
MHCS09	Tiếng anh chuyên ngành	2	45	13	29	3
MHCS10	Vật lý ứng dụng trong thiết bị y tế	3	45	24	18	3
MHCS11	Thiết kế mạch	2	45	19	24	2
MHCS12	Vi điều khiển	2	45	19	24	2
MHCS13	Cấu trúc máy tính	2	45	18	25	2
MHCS14	Giải phẫu và sinh lý học cơ thể người	2	45	36	6	3
MHCS15	Quản lý trang thiết bị y tế	2	45	37	5	3
II	Môn học, mô đun chuyên môn	18	345	150	177	18
MĐĐT04	Máy theo dõi sản khoa	3	50	23	24	3
MĐĐT05	Thiết bị phẫu thuật	5	95	43	47	5
MĐĐT06	Máy theo dõi bệnh nhân	5	105	42	58	5
MĐĐT07	Máy phá rung tim	5	95	42	48	5
III	Môn học, mô đun tự chọn					

MĐCD01	Thiết bị tiệt trùng	2	45	14	29	2
MĐCD02	Lồng ấp trẻ sơ sinh	3	60	28	29	3
MĐCD03	Thiết bị nha khoa	2	45	14	28	3
MĐCD04	Máy thở	4	90	42	44	4
MĐCD05	Máy gây mê kèm thở	3	60	28	28	4
MĐCD06	Thiết bị phụ trợ phòng mổ	2	40	14	24	2
MĐCD07	Thận nhân tạo	4	80	28	48	4
MĐXN01	Máy xét nghiệm huyết học	4	105	25	75	5
MĐXN02	Máy xét nghiệm sinh hoá	2	80	28	48	4
MĐXN03	Kính hiển vi	2	45	14	29	2
MĐHA03	Máy siêu âm đen trắng	4	90	28	58	4
MĐHA04	Máy siêu âm màu 4D	4	90	28	58	4
V	Thực tập tốt nghiệp					
MĐTT	Thực tập tại cơ sở	7	315	5	310	
Tổng các môn học, mô đun bắt buộc		42	1020	345	636	39

6.2. Đối với người học đã tốt nghiệp Công nhân kỹ thuật ngành thiết bị y tế, hoặc tốt nghiệp các ngành nghề khác từ trung cấp trở lên, người học cần học bổ sung các môn học, mô-đun:

Với mỗi đối tượng người học, cần được xét điều kiện đầu vào và yêu cầu học bổ sung các môn học, mô-đun còn thiếu so với Chương trình đào tạo Kỹ thuật thiết bị Điện tử y tế trình độ trung cấp. Số môn học, mô-đun đạt được tối thiểu tới 80% nội dung của Chương trình đào tạo Kỹ thuật thiết bị Điện tử y tế trình độ trung cấp.

Các môn học, mô-đun yêu cầu học bổ sung:

Mã MH/ MĐ	Tên môn học/mô đun	Số đơn vị học trình	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Thi/kiểm tra
I	Môn học, mô đun cơ sở					
MHCS01	An toàn trang thiết bị y tế	2	30	28		2
MHCS02	Linh kiện điện tử	4	90	38	47	5
MHCS03	Kỹ thuật mạch điện tử	4	90	38	47	5
MHCS04	Kỹ thuật điện	3	60	29	28	3
MHCS05	Kỹ thuật đo lường	2	45	35	7	3
MHCS06	Kỹ thuật số	4	90	38	47	5
MHCS07	Kỹ thuật xung	3	60	33	24	3
II	Môn học, mô đun chuyên môn					

MHĐT01	Điện tử Y sinh	3	75	0	72	3
MĐT01	Máy điện tim	5	95	42	47	6
MĐT02	Máy điện não	4	80	28	48	4
MĐT03	Thiết bị trị liệu	5	95	43	47	5
III	Môn học, mô đun tự chọn					
MĐCĐ01	Thiết bị tiết trùng	2	45	14	29	2
MĐCĐ02	Lồng ấp trẻ sơ sinh	3	60	28	29	3
MĐCĐ03	Thiết bị nha khoa	2	45	14	28	3
MĐCĐ04	Máy thở	4	90	42	44	4
MĐCĐ06	Thiết bị phụ trợ phòng mổ	2	40	14	24	2
MĐXN01	Máy xét nghiệm huyết học	4	105	25	75	5
MĐXN02	Máy xét nghiệm sinh hoá	2	80	28	48	4
MHHA02	Cơ sở kỹ thuật máy siêu âm	2	30	26	2	2
MĐHA01	Cơ sở kỹ thuật thiết bị X Quang	2	110	58	48	4
MĐHA03	Máy siêu âm đen trắng	4	90	28	58	4
IV	Thực tập tốt nghiệp					
MĐTT	Thực tập tại cơ sở	7	315	5	310	

7. Hướng dẫn sử dụng chương trình

7.1. Các môn học chung bắt buộc do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng và ban hành áp dụng thực hiện.

- Môn Anh văn thực hiện theo thông tư số 03/2019/TT-BLĐTBXH ngày 17/01/2019 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc Ban hành chương trình môn học Tiếng Anh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

- Môn Tin học thực hiện theo thông tư số 11/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc ban hành chương trình môn học Tin học thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

- Môn Giáo dục thể chất thực hiện theo thông tư số 12/2018/TT- BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc ban hành chương trình môn học Giáo dục thể chất thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

- Môn học Pháp luật thực hiện theo thông tư số 13/2018/TT- BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc ban hành chương trình môn học Pháp luật thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

- Môn học Giáo dục chính trị thực hiện theo thông tư số 24/2018/TT-BLĐTBXH ngày 06/12/2018 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc ban hành chương trình môn học Giáo dục chính trị thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

- Môn Giáo dục Quốc phòng và An ninh thực hiện theo thông tư số 10/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

7.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

Hàng năm căn cứ vào điều kiện cụ thể, khả năng của nhà trường và kế hoạch đào tạo theo từng khóa học, lớp học và hình thức tổ chức đào tạo đã xác định trong chương trình đào tạo và công bố theo từng ngành, nghề nhà trường sẽ xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa đảm bảo đúng quy định.

Cụ thể như sau:

TT	Nội dung	Thời gian
1	Hoạt động thể dục, thể thao	- Vào các ngày lễ, kỷ niệm trong năm
2	Hoạt động văn hóa, văn nghệ	- Vào các ngày lễ, kỷ niệm trong năm - Ngoài giờ học hàng ngày
3	Hoạt động thư viện: Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	- 5 ngày làm việc trong tuần
4	Công tác xã hội, tình nguyện	- Có kế hoạch hằng năm
5	Sinh hoạt đầu khóa	- Thời gian thực hiện 1 tuần vào đầu mỗi khóa đào tạo
6	Tham gia các buổi hội thảo, hội chợ triển lãm,...	- Có kế hoạch và quy định cụ thể của đơn vị tổ chức

7.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun:

Áp dụng theo Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ngày 30 tháng 3 năm 2022 về việc Quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ.

- Thi kết thúc môn học, mô-đun được thực hiện tại trường, phân hiệu, địa điểm đào tạo của trường; đơn vị liên kết đào tạo hoặc tại doanh nghiệp; được thực hiện trực tiếp hoặc trực tuyến khi đáp ứng được các điều kiện cho việc tổ chức thi;

- Thi kết thúc môn học, mô-đun được thực hiện một hoặc nhiều lần sau khi học xong môn học, mô-đun hoặc cuối mỗi học kỳ;

- Thi kết thúc môn học, mô-đun bằng hình thức trực tuyến được thực hiện khi đáp ứng được các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo; hệ thống hạ tầng, thiết bị công nghệ thông tin. Hiệu trưởng quy định cụ thể về hình thức và quy trình tổ chức thi nhằm bảo đảm đánh giá chính xác, khách quan kết quả học tập của người học và chống được gian lận trong quá trình thi. Diễn biến của buổi thi trực tuyến phải được ghi hình, ghi âm và xuất in kết quả bài thi để lưu trữ theo quy định tại khoản 3 Điều 19 Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH.

7.4. Hướng dẫn thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp:

Áp dụng theo Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH của Bộ trưởng Bộ Lao động

Thương binh và Xã hội ngày 30 tháng 3 năm 2022 về việc Quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ.

Với mỗi đối tượng người học, yêu cầu phải học hết chương trình đào tạo trên, đồng thời có đủ điều kiện thì sẽ được dự thi tốt nghiệp. Cụ thể như sau:

TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian
2	Lý thuyết chuyên môn	Viết tự luận	Không quá 180 phút
3	Thực hành	Thực hành	Không quá 8h

7.5. Các chú ý khác (nếu có):

- Đối với người học đã tốt nghiệp chương trình đào tạo công nhân kỹ thuật thiết bị y tế hoặc tốt nghiệp các ngành, nghề khác từ trình độ trung cấp trở lên và đã có thời gian công tác tại một cơ sở y tế từ 02 năm trở lên thì được miễn các môn học chung.

- Đối với các môn học, mô-đun tự chọn, căn cứ vào nhu cầu của xã hội, ngành nghề của từng khóa học và điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường, Nhà trường lựa chọn số môn học, mô-đun giảng dạy tương ứng từ 300 giờ đến 400 giờ. Ưu tiên lựa chọn các môn học, mô-đun sau: Thiết bị tiết trùng; Máy thở; Máy xét nghiệm huyết học; Máy siêu âm đen trắng; Cơ sở kỹ thuật thiết bị X Quang. Đối với người học phải học bổ sung, căn cứ vào các môn học, mô-đun tự chọn của chương trình đào tạo trình độ trung cấp để lựa chọn sao cho tổng số chiếm tới 80% nội dung của môn học, mô-đun tự chọn so với chương trình đào tạo trung cấp;

- Đối với mô-đun Thực tập tại cơ sở, người học sẽ được miễn mô-đun này nếu có xác nhận thời gian công tác ở vị trí kỹ thuật viên hoặc tương đương từ 02 năm trở lên tại các cơ sở y tế đáp ứng tiêu chuẩn lựa chọn các đơn vị đủ điều kiện tiếp nhận sinh viên thực tập cơ sở của Nhà trường.

- Đối với các mô-đun, môn học được yêu cầu học bổ sung, nhà trường có thể xây dựng kế hoạch đào tạo và thời khóa biểu đào tạo song song với thời gian học chương trình đào tạo liên thông, theo các hình thức đào tạo khác (trực tiếp, trực tuyến) sao cho đúng với các quy định đào tạo hiện hành và đảm bảo sinh viên hoàn thành các môn học, mô-đun bổ sung trong thời gian đào tạo chính và không vượt quá thời gian quy định của chương trình đào tạo liên thông cao đẳng.